

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2020/DS-ST

Ngày: 30/11/2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

Ông Trương Hoàng Hoa.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, Thư ký Tòa án.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 286/2020/TLST-DS ngày 06/10/2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2020/QĐXXST-DS ngày 12/11/2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Đỗ Thị L, sinh năm 1973;
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền: Huỳnh Hoàng P, sinh năm 1985; (có mặt)
Địa chỉ: Phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.*

*2. Bị đơn: Phan Phạm Thái Hồng C, sinh năm 1973; (có mặt)
Đỗ Kim M, sinh năm 1971; (có văn bản xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn Đỗ Thị L trình bày: Bà Đỗ Thị L (tên thường gọi là Tám Tuân) và bà Phan Phạm Thái Hồng C (tên thường gọi là Phụng) có mối quan hệ chị em hàng xóm quen biết đã lâu. Bà C là chủ hụi ở địa phương nên bà L tin tưởng cho bà C vay tổng số tiền 355.000.000 đồng theo từng lần có biên nhận kèm theo: Ngày 30/3/2018 âm lịch, bà C vay 80.000.000 đồng; Ngày 01/6/2018 âm lịch, bà C vay 40.000.000 đồng và 15.000.000 đồng; Ngày 11/12/2018 âm lịch, bà C vay 20.000.000 đồng; Ngày 20/12/2018 âm lịch, bà C vay 20.000.000 đồng; Ngày 10/02/2019 âm lịch, bà C vay 50.000.000 đồng; Ngày 10/6/2019 âm lịch, bà C vay 60.000.000 đồng; Ngày 30/11/2019 âm lịch, bà C vay 50.000.000 đồng;

Số tiền 20.000.000 đồng bà C vẫn chưa trả đủ cho bà L theo biên nhận vay tiền 150.000.000 đồng. Theo biên nhận vay tiền 150.000.000 đồng bà C trả mỗi

tháng trả 10.000.000 đồng, bắt đầu trả từ 30/3/2018 âm lịch đến ngày 30/7/2019 âm lịch (17 lần trả nhưng bà C mới trả đến kỳ 15 ngày 30/5/2019 âm lịch thì ngừng trả nên bà C còn nợ lại bà L 02 kỳ là ngày 30/6/2019 âm lịch và ngày 30/7/2019 âm lịch);

Những lần bà L cho bà C vay tiền đều có thỏa thuận miệng lãi suất là 4%/tháng. Bà C vay tiền bà L nhiều lần như được liệt kê ở trên và tổng số tiền vay là 355.000.000 đồng, những biên nhận vay tiền đều là chữ viết tay của bà C.

Vào tháng 2/2020, bà C đã trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng nhưng không có viết biên nhận, bà L chỉ trừ trực tiếp vào sổ nợ của bà C.

Do bà C vay bà L những số tiền này vào mục đích chi tiêu cho gia đình, chơi hội và cho vay lại. Đồng thời ông Đỗ Kim M là chồng của bà C không có đi làm, mọi thu nhập của bà C là dùng vào việc chung của gia đình, ông M cũng biết sự việc bà C làm chủ hội và vay tiền để cho vay lại nên trách nhiệm này là trách nhiệm liên đới của hai vợ chồng.

Bà L yêu cầu bà Phan Phạm Thái Hồng C, ông Đỗ Kim M có trách nhiệm liên đới trả cho bà L khoản tiền vay 255.000.000 đồng cùng với lãi suất 20%/năm (lãi mỗi tháng là 4.250.000 đồng) tính từ tháng 3/2020 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính là $07 \text{ tháng} \times 4.250.000\text{đ} = 29.750.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 284.750.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Phan Phạm Thái Hồng C trình bày: Thống nhất cùng lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bà Phan Phạm Thái Hồng C đồng ý trả số tiền vay 255.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ;

Đối với số tiền lãi thì giữa bà L và bà C có thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng không phải thỏa thuận 4%/tháng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà L;

Bà C thừa nhận tại địa phương bà C còn có tên gọi khác là Phượng, các biên nhận do nguyên đơn cung cấp là chữ ký của bà C. Bà Đỗ Thị L tại địa phương cũng có tên gọi khác là Tám Tuấn.

Đối với yêu cầu ông Đỗ Kim M liên đới trả số tiền vay trên bà C không đồng ý vì bà C vay của bà L, ông M hoàn toàn không biết.

Bà C có trả góp cho bà L được 03 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng; Bà C yêu cầu trừ vào số tiền 255.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 22/10/2020 của bị đơn Đỗ Kim M trình bày: Ông M không biết các khoản vay của bà C, đây là nợ riêng của bà C, ông M không đồng ý liên đới trả tiền theo như yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện: Bà L có nhận số tiền 6.000.000 đồng của bà C nhưng đây là tiền hội nhưng không có căn cứ chứng minh; Bà L đồng ý trừ vào số tiền vay 255.000.000 đồng;

Bà L yêu cầu bà Phan Phạm Thái Hồng C, ông Đỗ Kim M có trách nhiệm liên đới trả cho bà L khoản tiền vay 249.000.000 đồng cùng với lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 08 tháng 29 ngày thành tiền 37.062.820 đồng. Tổng cộng là 286.062.820 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Phan Phạm Thái Hồng C thừa nhận số tiền vay trên nhưng hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi;

Đại diện ủy quyền của bà L không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân Sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Kim M theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, ông M có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt ông M.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi bổ sung này;

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L về việc bà Phan Phạm Thái Hồng C, ông Đỗ Kim M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 249.000.000 đồng và tiền lãi 37.062.820 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ của bà Đỗ Thị L thì bà L có cho bà C vay các lần tiền cụ thể như sau: Ngày 30/3/2018 âm lịch, bà C vay 80.000.000 đồng; Ngày 01/6/2018 âm lịch, bà C vay 40.000.000 đồng và 15.000.000 đồng; Ngày 11/12/2018 âm lịch, bà C vay 20.000.000 đồng; Ngày 20/12/2018 âm lịch, bà C vay 20.000.000 đồng; Ngày 10/02/2019 âm lịch, bà C vay 50.000.000 đồng; Ngày 10/6/2019 âm lịch, bà C vay 60.000.000 đồng; Ngày 30/11/2019 âm lịch, bà C vay 50.000.000 đồng;

Số tiền 20.000.000 đồng bà C vẫn chưa trả đủ cho bà L theo biên nhận vay tiền 150.000.000 đồng. Theo biên nhận vay tiền 150.000.000 đồng bà C trả mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, bắt đầu trả từ 30/3/2018 âm lịch đến ngày 30/7/2019 âm lịch (17 lần trả nhưng bà C mới trả đến kỳ 15 ngày 30/5/2019 âm lịch thì ngừng trả nên bà C còn nợ lại bà L 02 kỳ là ngày 30/6/2019 âm lịch và ngày

30/7/2019 âm lịch); Tổng số tiền vay là 355.000.000 đồng, những biên nhận vay tiền đều là chữ viết tay của bà C;

Vào tháng 2/2020, bà C đã trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng nhưng không có viết biên nhận, bà L chỉ trừ trực tiếp vào sổ nợ của bà C; Bà L có nhận của bà C 6.000.000 đồng nên đồng ý trừ vào số tiền 255.000.000 đồng nên bà L yêu cầu bà C trả số tiền vay 249.000.000 đồng;

Căn cứ vào bản tự khai ngày 22/10/2020 và biên bản hòa giải ngày 12/11/2020 và tại phiên toà, bị đơn bà Phan Phạm Thái Hồng C thừa nhận có vay số tiền của bà L và dùng số tiền trên để trả nợ hụi khi bà C làm chủ thảo trên 10 năm nên không có khả năng trả số tiền vay cho bà L. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà Phan Phạm Thái Hồng C xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Căn cứ vào các biên nhận Ngày 30/3/2018 âm lịch; Ngày 01/6/2018 âm lịch; Ngày 11/12/2018 âm lịch; Ngày 20/12/2018 âm lịch; Ngày 10/02/2019 âm lịch; Ngày 10/6/2019 âm lịch; Ngày 30/11/2019 âm lịch; Ngày 30/3/2018 âm lịch thì bà Đỗ Thị L có cho bà Phan Phạm Thái Hồng C vay số tiền 355.000.000 đồng, bà C đã viết biên nhận và ký tên, thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận về thời gian trả nợ;

Tại phiên toà, bà C, thừa nhận biên nhận Ngày 30/3/2018 âm lịch; Ngày 01/6/2018 âm lịch; Ngày 11/12/2018 âm lịch; Ngày 20/12/2018 âm lịch; Ngày 10/02/2019 âm lịch; Ngày 10/6/2019 âm lịch; Ngày 30/11/2019 âm lịch; Ngày 30/3/2018 âm lịch do bà C viết và ký tên ;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu của bà Đỗ Thị L là có cơ sở, bởi vì: Bà Phan Phạm Thái Hồng C vẫn còn nợ bà Đỗ Thị L số tiền vay là 249.000.000 đồng và chưa trả số tiền trên;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L cho nên cần buộc bà Phan Phạm Thái Hồng C có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị L số tiền vay 249.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi với lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 08 tháng 29 ngày thành tiền 37.062.820 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các biên nhận trên xác định đây là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả;

Tại phiên toà, các đương sự thừa nhận là vay có lãi suất 5%/tháng;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu của bà Đỗ Thị L là có cơ sở, bởi vì: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà L chỉ tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi là phù hợp quy định của pháp luật và có lợi cho bà C;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Đỗ Thị L cho nên cần buộc bà Phan Phạm Thái Hồng C có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị L số tiền lãi 37.062.820 đồng.

[3] Xét yêu cầu của bà Đỗ Thị L về việc bà Phan Phạm Thái Hồng C có nghĩa vụ trả số tiền vay 249.000.000 đồng và tiền lãi 37.062.820 đồng, thời gian trả tiền làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị L về thời gian trả tiền là có cơ sở, bởi vì bà Phan Phạm Thái Hồng C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà L nên đã xâm phạm đến quyền lợi của bà L. Do đó cần buộc bà Phan Phạm Thái Hồng C có nghĩa vụ trả số tiền vay 249.000.000 đồng và tiền lãi 37.062.820 đồng, thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

[4] Đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị L về việc buộc bà Phan Phạm Thái Hồng C và ông Đỗ Kim M có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 249.000.000 đồng và tiền lãi 37.062.820 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Phan Phạm Thái Hồng C thừa nhận khi vay tiền của bà L thì bà C dùng vào việc trả nợ hụi khi bà C làm chủ thảo, lấy tiền hoa hồng tiền hụi để phụ giúp kinh tế của gia đình. Ông M cũng biết bà C làm chủ thảo trong thời gian dài và dùng số tiền từ hụi để trang trải sinh hoạt trong gia đình;

Do đó với yêu cầu của bà L cần buộc bà C, ông M có trách nhiệm liên đới là có cơ sở;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L cho nên cần buộc bà Phan Phạm Thái Hồng C, ông Đỗ Kim M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L số tiền vay 249.000.000 đồng và tiền lãi 37.062.820 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Bà Phan Phạm Thái Hồng C, ông Đỗ Kim M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 465, 466, 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 235, 244 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L.

Buộc bà Phan Phạm Thái Hồng C, ông Đỗ Kim M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L số tiền vay 249.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu đồng) và tiền lãi 37.062.820 đồng (ba mươi bảy triệu, sáu mươi hai ngàn, tám trăm hai mươi đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bà Đỗ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phan Phạm Thái Hồng C, ông Đỗ Kim M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Phan Phạm Thái Hồng C, ông Đỗ Kim M phải chịu 14.303.141 đồng (mười bốn triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, một trăm bốn mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp 7.118.000 đồng (bảy triệu, một trăm mười tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004137 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn Đỗ Kim M vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;

Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu